

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT
TẠI TP. SỐ 057/ QĐ-ĐH GTVT

CÔNG VĂN ĐẾN

Ngày: 15/8/2018
Số: 485

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc quy định học phí các hệ đào tạo năm học 2018 – 2019)

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/3/1962 của Hội đồng chính phủ (Nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông Vận tải;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ về việc "Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015";

Căn cứ tờ trình ngày 13/8/2018 về việc xác định mức thu học phí năm học 2018-2019 của phòng Đào tạo đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

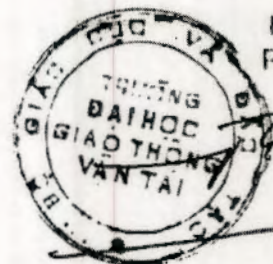
Điều 1. Quy định mức thu học phí các hệ đào tạo năm học 2018-2019 của Trường Đại học Giao thông vận tải *(chi tiết theo phụ lục đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định được áp dụng từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến 31 tháng 7 năm 2019 và thay thế các văn bản về quy định mức thu học phí, kinh phí đào tạo trước đây liên quan đến các nội dung trên.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: ĐTDH, ĐTSDH, Tài chính-Kế toán, HCTH, Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh, CTCT& SV, trưởng các Khoa, các đơn vị có liên quan và các học viên, sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Điều 3;
- Lưu HCTH, ĐTDH.



K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Thanh Chương

lê nore, Sao gửi?
- Ban GD
- P. KT TCTP
theo luật
- 'cái đản'



Phụ lục

MỨC THU HỌC PHÍ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2018-2019

(Kèm theo quyết định số 1597/QĐ-ĐHGTVT ngày 15/8/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐH Giao thông vận tải)

I. Mức thu học phí đào tạo đại học hệ chính quy áp dụng

TT	Khóa/Khối ngành	Mức học phí/ 1 tín chỉ
1	Các ngành khối kỹ thuật	272.000 đồng
2	Các ngành khối kinh tế	228.000 đồng

Ghi chú:

- Học phí áp dụng với các sinh viên chính khóa và sinh viên lớp tăng cường có số lượng ≥ 15 sinh viên. Các lớp có quy mô < 15 sinh viên có quy định riêng;
- Các sinh viên thuộc chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao phần học phí đào tạo theo bảng trên.

II. Mức thu học phí đại học hệ chính quy cho các lớp có số sinh viên < 15

TT	Lớp học phần	Mức học phí/ 1 tín chỉ
1	Nhóm 1: từ 1 đến 3 sinh viên	2.040.000 đồng
2	Nhóm 2: từ 4 đến 9 sinh viên	816.000 đồng
3	Nhóm 3 từ 10 đến 14 sinh viên	408.000 đồng

III. Mức thu học phí đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học, liên thông, bảng 2 (theo tín chỉ)

TT	Khóa/Khối ngành	Mức học phí/ 1 tín chỉ
1	Đối với hệ đào tạo bảng 2 chính quy	
1.1	Các ngành khối kỹ thuật	279.000 đồng
1.2	Các ngành khối kinh tế	238.000 đồng
2	Đối với hệ đào tạo liên thông chính quy	
2.1	Các ngành khối kỹ thuật	287.000 đồng
2.2	Các ngành khối kinh tế	249.000 đồng
3	Đối với hệ đào tạo liên thông vừa làm vừa học	
3.1	Các ngành khối kỹ thuật	430.000 đồng
3.2	Các ngành khối kinh tế	373.000 đồng
4	Đối với hệ đào tạo vừa làm vừa học	
4.1	Các ngành khối kỹ thuật	345.000 đồng
4.2	Các ngành khối kinh tế	262.000 đồng

IV. Mức thu học phí đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học, liên thông, bảng 2 (theo niên chế)

TT	Khóa/Khối ngành	Mức học phí/tháng
1	Đối với hệ đào tạo bằng 2, liên thông chính quy (theo niên chế)	
1.1	Các ngành khối kỹ thuật	960.000 đồng
1.2	Các ngành khối kinh tế	810.000 đồng
2	Đối với hệ đào tạo vừa học vừa làm liên thông vừa học vừa làm (theo niên chế)	
2.1	Các ngành khối kỹ thuật	1.440.000 đồng
2.2	Các ngành khối kinh tế	1.215.000 đồng

Ghi chú:

- Hệ đào tạo bằng 2, liên thông chính quy tổ chức đào tạo 10 tháng/1 năm học và 05 tháng/1 học kỳ
- Hệ đào tạo vừa làm vừa học và liên thông vừa làm vừa học thời gian tổ chức đào tạo tính 07 tháng/1 năm và 3,5 tháng/1 học kỳ

V. Mức thu học phí đào tạo hệ sau đại học

TT	Khóa/Khối ngành	Mức học phí
1	Mức học phí đào tạo cao học	
1.1	Các ngành khối kỹ thuật	600.000 đồng/ 1 tín chỉ
1.2	Các ngành khối kinh tế	506.000 đồng/ 1 tín chỉ
2	Mức học phí đào tạo Nghiên cứu sinh	
2.1	Các ngành khối kỹ thuật	12.000.000 đồng/học kỳ
2.2	Các ngành khối kinh tế	10.125.000 đồng/học kỳ

Ghi chú:

- Hệ đào tạo thạc sĩ nộp học phí theo số tín chỉ của từng học kỳ;
- Hệ đào tạo tiến sĩ nộp học phí theo học kỳ (1 năm 2 học kỳ), các học phần học bổ sung theo mức học phí của hệ đào tạo thạc sĩ.